

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS-ST

Ngày 28 - 9 - 2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Vũ Đức Minh.

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Ngu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2022/TLST- DS ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-DS ngày 01/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST – DS ngày 30/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Ng, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Nhật Tr và bà Dương Thị Ngọc L; địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hữu Ng trình bày: Ông Ng và Ông Nguyễn Nhật Tr, bà Dương Thị Ngọc L không có quan hệ thân thích gì; quá trình sinh sống tại Thôn B xã Đ thì Ông Ng có quen biết với ông Tr, bà L.

Ngày 01/02/2020, gia đình Ông Ng có cho Ông Nguyễn Nhật Tr và bà Dương Thị Ngọc L vay số tiền 275.000.000 đồng; lãi suất 3%/tháng; thời hạn trả nợ vào ngày 30/3/2020; đến hạn Ông Ng đã nhiều lần yêu cầu nhưng Ông Nguyễn Nhật Tr và bà Dương Thị Ngọc L không trả tiền cho Ông Ng.

Số tiền 275.000.000 đồng mà Ông Ng cho ông Tr, bà L mượn là tài sản trong thời kỳ hôn nhân giữa Ông Ng với bà Nguyễn Thanh H, nên Ông Ng đề nghị Tòa

án đưa bà H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Việc ông Tr, bà L trốn tránh, bỏ đi khỏi địa phương, không trả nợ cho gia đình Ông Ng là ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông, do đó, Ông Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Tr, bà L phải trả số tiền gốc 275.000.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi, do mức lãi suất 3%/tháng là cao so với quy định của pháp luật, nên Ông Ng chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Tr, bà L phải trả số tiền lãi tính từ ngày 01/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/9/2022 với mức lãi suất 10%/năm cụ thể: $(275.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm) \times 970 \text{ ngày} = 74.097.222 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền yêu cầu: 349.097.222 đồng

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hảo trình bày: Ngày 01/02/2020, gia đình bà H Ông Ng có cho Ông Nguyễn Nhật Tr và bà Dương Thị Ngọc L vay số tiền 275.000.000 đồng; lãi suất 3%/tháng; thời hạn trả nợ vào ngày 30/3/2020; đến hạn, gia đình bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng Ông Nguyễn Nhật Tr và bà Dương Thị Ngọc L không trả. Số tiền 275.000.000 đồng mà Ông Ng cho ông Tr, bà L mượn là tài sản trong thời kỳ hôn nhân giữa Ông Ng với bà Nguyễn Thanh H. Việc ông Tr, bà L trốn tránh, bỏ đi khỏi địa phương, không trả nợ cho gia đình bà là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà. Do đó, Ông Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Tr, bà L phải trả số tiền 275.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 01/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/9/2022 với mức lãi suất 10%/năm: $(275.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm) \times 970 \text{ ngày} = 74.097.222 \text{ đồng}$ cho gia đình bà thì bà đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại chính quyền địa phương xác định: Ông Nguyễn Nhật Tr và bà Dương Thị Ngọc L chưa chuyển hộ khẩu đi đâu, thời điểm xác minh không có mặt nhưng thỉnh thoảng vẫn có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Tr, bà L nhưng ông, bà không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến đối với nội dung vụ án. Do đó, Tòa án huyện T giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

- Toà án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện T đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đã được triệu tập nhiều lần nhưng không hợp tác; tại phiên tòa vẫn vắng mặt không do đó chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Ngày 01/02/2020, ông Nguyễn Hữu Ng và ông Tr, bà L có giao dịch vay số tiền 275.000.000 đồng; lãi suất thỏa thuận 3%/tháng; thời hạn trả nợ vào ngày 30/3/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Tr, bà L đã vi phạm nghĩa vụ, không trả gốc, lãi như thỏa thuận; bỏ đi khỏi địa phương không thông báo cho bên cho vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Ng, buộc Ông Nguyễn Nhật Tr và bà Dương Thị Ngọc L phải trả tổng số tiền 349.097.222 đồng cho ông Nguyễn Hữu Ng, bà Nguyễn Thanh H, bao gồm:

Tiền nợ gốc: 275.000.000 đồng.

Tiền lãi suất từ ngày 01/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất theo yêu cầu là 10%/năm: $(275.000.000 \times 10\%/năm) \times 970 \text{ ngày} = 74.097.222 \text{ đồng}$.

Tiếp tục áp dụng Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2022/QĐ-BPKCTT ngày 04/04/2022.

Về án phí: Ông Tr, bà L phải chịu 17.455.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho ông Nguyễn Hữu Ng 9.625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002174 ngày 24/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tại đơn khởi kiện, ông Nguyễn Hữu Ng yêu cầu Tòa án buộc Ông Nguyễn Nhật Tr và bà Dương Thị Ngọc L phải trả số tiền 275.000.000 đồng đã vay và tiền lãi, đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Tr, bà L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Bon B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông, theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông.

[2]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định: ông Tr, bà L chưa chuyển hộ khẩu đi đâu, thời điểm xác minh không có mặt nhưng thỉnh thoảng vẫn có mặt tại địa phương; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Tr, bà L theo thủ tục chung nhưng bị đơn ông Tr, bà L không hợp tác, vắng mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến đối với nội dung vụ án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 30/8/2022 và phiên tòa hôm nay, ông Tr, bà L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt Ông Tr, bà L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Ngày 01/02/2020, ông Nguyễn Hữu Ng, bà Nguyễn Thanh H và Ông Nguyễn Nhật Tr và bà Dương Thị Ngọc L có lập giấy mượn tiền, với nội dung: Ông Tr, bà L vay vợ chồng Ông Ng, bà H số tiền 275.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 30/3/2020. Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa Ông Ng, bà H với ông Tr, bà L được lập thành văn bản, có chữ ký xác nhận của các bên; quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng các đương sự có đủ năng lực hành vi dân sự; tự nguyện ký kết, thỏa thuận hợp đồng nên giao dịch này là hợp pháp và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình thực hiện giao dịch, ông Tr, bà L không trả gốc như đã cam kết nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.2]. Đối với yêu cầu trả lãi: Xét thấy, theo giấy mượn tiền ngày 01/02/2020 thể hiện: Thời hạn trả tiền là 30/3/2020, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng; đến hạn, ông Tr, bà L không trả tiền như cam kết nên phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Ông Ng, bà H chỉ yêu cầu mức lãi suất là 10% nên cần buộc ông Tr bà L phải trả: Tiền lãi suất từ ngày 01/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 970 ngày: $(275.000.000 \times 10\%/năm) \times 970 \text{ ngày} = 74.097.222 \text{ đồng}$.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Ng. Buộc Ông Nguyễn Nhật Tr và bà Dương Thị Ngọc L phải trả cho Ông Ng, bà H là tổng số tiền là 349.097.222 đồng, trong đó gồm: Tiền gốc 275.000.000 đồng và 74.097.222 đồng tiền lãi. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Tiếp tục áp dụng Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2022/QĐ-BPKCTT ngày 04/04/2022 đến khi Tòa án có quyết định thay đổi, hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Ng được chấp nhận nên Ông Nguyễn Nhật Tr và bà Dương Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.455.000 đồng. Trả lại cho ông Nguyễn Hữu Ng 9.625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002174 ngày 24/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 117; khoản 1 Điều 351; khoản 2 Điều 357; Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Ng. Buộc Ông Nguyễn Nhật Tr và bà Dương Thị Ngọc L phải trả cho ông Nguyễn Hữu Ng và bà Nguyễn Thanh H số tiền 349.097.222 đồng (*Ba trăm bốn mươi chín triệu không trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi hai đồng*); trong đó gồm: 275.000.000 đồng tiền nợ gốc và 74.097.222 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Nhật Tr và bà Dương Thị Ngọc L phải nộp 17.455.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hữu Ng 9.625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002174 ngày 24/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Tiếp tục áp dụng Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2022/QĐ-BPKCTT ngày 04/04/2022 đến khi Tòa án có quyết định thay đổi, hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phan Quang Trung